

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày: 13-01-2020

V/v “*Tranh chấp HĐ nợ hui, mua
bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Lành

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Bà Lâm Thị Bé

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Văn Vĩnh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2020/TLST-DS ngày 30/11/2020 về việc “Tranh chấp HĐ nợ hui, mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thanh C, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn- bà Trần Thị M trình bày:* Bà Trần Thị M là chủ hui. Bà Trần Thanh C là hui viên. Bà C tham gia một dây hui 1.000.000 đồng. Bà C đã hốt hui nhưng không đóng hui chết. Sau khi chốt hui vào ngày 01/6/2018, bà C còn nợ bà M số tiền hui 6.500.000 đồng, hai bên không làm biên nhận, chỉ thừa nhận nợ bằng lời nói. Bà C hứa có tiền sẽ trả nhưng cho đến nay không trả.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà M yêu cầu bà C trả số tiền nợ hụi gốc 6.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/6/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra khoảng tháng 2/2019, bà C mua nợ hàng tạp hóa (cà phê, xà bông, đường, sữa, bánh) của tiệm tạp hóa do bà M làm chủ với số tiền hàng trị giá 880.000 đồng. Khi mua bà C nói vài ngày sau sẽ trả nhưng đến nay không trả. Tại phiên tòa, bà M yêu cầu bà C trả số tiền nợ mua bán hàng tạp hóa là 880.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà M yêu cầu phong tỏa số tiền 5.840.000 đồng mà bà C được nhận theo bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HSST ngày 26/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa để đảm bảo thi hành án.

** Bị đơn - bà Trần Thanh C trình bày:* Bà C thừa nhận có chơi hụi do bà M làm chủ hụi. Sau khi chốt hụi vào ngày 01/6/2018, bà C còn nợ bà M số tiền hụi 6.500.000 đồng, hai bên không làm biên nhận. Do không có điều kiện trả nợ nên bà M yêu cầu phải trả lãi ngày mỗi ngày 60.000 đồng. Bà C đã đóng lãi từ ngày 01/6/2018 đến ngày 01/01/2019 (07 tháng) với tổng số tiền lãi đã đóng cho bà M là $1.800.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ tháng} = 12.600.000 \text{ đồng}$. Khi đóng lãi hai bên không làm biên nhận và cũng không có ai làm chứng. Nay bà M khởi kiện yêu cầu trả số nợ hụi và tiền lãi, bà C chỉ đồng ý trả nợ hụi gốc 6.500.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết nợ, không đồng ý trả lãi.

Bà C thừa nhận có mua nợ bà M số tiền hàng tạp hóa (cà phê, đường, sữa, xà phòng) với số tiền 880.000 đồng. Sau khi mua, bà C đã trả dần nhiều lần, mỗi lần từ 100.000 đồng, 200.000 đồng. Hiện bà C đã trả hết tiền nợ hàng tạp hóa. Nay bà M khởi kiện yêu cầu trả số tiền 880.000 đồng bà C không đồng ý.

Những nội các bên thống nhất:

Ngày 01/6/2018, bà C có nợ hụi bà M số tiền 6.500.000 đồng. Bà C đồng ý trả số tiền hụi này.

Bà C thừa nhận có mua hàng tạp hóa của bà M với số tiền 880.000 đồng.

- Nội dung hai bên không thống nhất:

Đối với số tiền nợ hụi: Bà M yêu cầu trả 6.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 01/6/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, trả một lần. Bà C không đồng ý trả một lần, xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết nợ hụi, không đồng ý trả lãi.

Bà M không thừa nhận việc bà C đóng tiền lãi $1.800.000 \text{ đồng/tháng}$ (27,6%/tháng). Bà C cho rằng có đóng lãi $1.800.000 \text{ đồng/tháng}$ cho bà M, đã đóng lãi từ ngày 01/6/2018 đến ngày 01/01/2019 (07 tháng) với tổng số tiền lãi đã đóng là $1.800.000 \text{ đồng} \times 7 = 12.600.000 \text{ đồng}$, khi đóng lãi hai bên không làm biên nhận và không có ai làm chứng.

Đối với số tiền nợ mua bán tài sản: Bà M yêu cầu trả nợ tiền mua bán hàng hóa 880.000 đồng, trả một lần. Bà C không đồng ý trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Trần Thị M và bị đơn Trần Thanh C đều có địa chỉ cư trú tại huyện Thạnh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa.

[2] Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu trả nợ hui: Nguyên đơn Trần Thị M và bị đơn Trần Thanh C đều thống nhất số nợ tiền hui mà bà C còn nợ bà M là 6.500.000 đồng. Do đó bà C phải có trách nhiệm trả cho bà M 6.500.000 đồng là có cơ sở.

[3] Về lãi: Bà Trần Thanh C cho rằng bà C đã trả cho bà M số tiền lãi tính theo ngày 60.000 đồng một ngày, tức 1.800.000 đồng/tháng trong thời gian 7 tháng. Tuy nhiên, bà M không thừa nhận việc này. Mặt khác, bà C không có chứng cứ chứng minh đã trả lãi cho bà M nên không có căn cứ chấp nhận. Do bà C chậm trả tiền hui đến kỳ phải thanh toán nên bà M yêu cầu bà C trả tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận. Bà C chậm trả số tiền 6.500.000 đồng từ ngày 01/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (13/01/2020) là 31 tháng 13 ngày. Căn cứ khoản 2, Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự, số tiền lãi được tính như sau:

$$6.500.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 31 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 1.696.000 \text{ đồng.}$$

Cộng cả gốc và lãi của khoản nợ hui là 8.196.000 đồng.

[4] Về nợ mua hàng tạp hóa: Bà C thừa nhận có nợ bà M 880.000 đồng tiền nợ mua hàng tạp hóa nhưng cho rằng đã trả đủ. Tuy nhiên, bà C không chứng minh được đã trả tiền cho bà M nên phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà M 880.000 đồng.

Từ những phân tích trên, bà Trần Thanh C có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị M 8.196.000 đồng tiền nợ hui và 880.000 đồng tiền nợ mua hàng tạp hóa. Tổng cộng 9.076.000 đồng.

Tiếp tục phong tỏa tài sản số tiền 4.000.000 đồng tại Biên lai thu 0006582 ngày 09/11/2020 và số tiền 1.840.000 đồng tại Biên lai thu 0006593 ngày 20/11/2020 do 04 bị cáo Trần Thanh Sang, Trần Quốc Sang, Trần Bạch Lam và Nguyễn Thị Kim Hằng nộp tại Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An mà bà Trần Thanh C được quyền nhận theo Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HSST ngày 26/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí: Bà Trần Thanh C phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Bà Trần Thị M không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 440, 471, 468, 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thanh C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị M 9.076.000 đồng (Chín triệu bảy mươi sáu ngàn đồng).

Tiếp tục phong tỏa tài sản số tiền 4.000.000 đồng tại Biên lai thu 0006582 ngày 09/11/2020 và số tiền 1.840.000 đồng tại Biên lai thu 0006593 ngày 20/11/2020 do 04 bị cáo Trần Thanh Sang, Trần Quốc Sang, Trần Bạch Lam và Nguyễn Thị Kim Hằng nộp tại C cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An mà bà Trần Thanh C được quyền nhận theo Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HSST ngày 26/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa để đảm bảo thi hành án.

Trong trường hợp người phải thi hành án chậm trả thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Trần Thanh C phải nộp 453.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị M không phải nộp án phí. Hoàn trả cho bà Trần Thị M 300.000 đồng theo lai thu số 0003575 ngày 30/11/2020 tại C cục thi hành án huyện Thạnh Hóa.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (M lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- CC.THADS huyện Thạnh Hóa;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thúy Lành

